

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2022/HC-PT**

Ngày: 30-3-2022

V/v “*Kiến quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Mai Xuân Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 344/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1230/2022/QĐ-PT ngày 8 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: 16/10 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P. Địa chỉ: 04 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phan Ngọc N; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bị kiện: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T. Địa chỉ: 16/10 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T; bà Nguyễn Thị Ngọc N: Ông Lê Văn P. Địa chỉ: 04 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T. Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc N. Địa chỉ: 30 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Ông Nguyễn Anh V. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Quang V – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Văn P trình bày:*

Cha mẹ ông T là ông Nguyễn T, sinh năm: 1936 (chết năm 1993) và bà Tôn Nữ Thị H, sinh năm: 1937 (chết năm 1975). Ông T và bà H có 05 người con là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1964, Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1965, Nguyễn Anh T, sinh năm: 1969, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1971, Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1976, ngoài ra ông T có một người con riêng là Nguyễn Anh V, sinh năm 1983.

Khi còn sống, ông T và bà H tạo được khối tài sản gồm:

- + Thửa đất số 16/4 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- + Thửa đất số 30 H (nay là số 16/6 Đ), thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 11/9/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6361 về việc thu hồi diện tích đất nói trên của cha mẹ anh T mà các đồng thừa kế của cha mẹ anh T làm đại diện theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 6370 ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Theo đó, UBND thành phố B bồi thường, tái định cư cụ thể:

- Thu hồi 116,9m² giá 17.601.408 đồng/m² là 2.057.604.595 đồng.
- Bố trí đất tái định cư 01 lô đất diện tích 77,5m² tại vị trí đường Lý Tự Trọng giá 33 triệu/m² = 2.557.500.000 đồng.
- Thu hồi 114,3m² giá 17.000.835 đồng/m² = 1.943.195.436 đồng.
- Bố trí tái định cư tại lô 22 khu đất tái định cư đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giá 28.600.000 đồng/m² = 2.288.000.000 đồng.

Tôi thấy việc UBND thành phố B ấn định giá đất bồi thường, giá đất bố trí tái định cư là chưa phù hợp bởi các lý do sau:

Thứ nhất: Giá bồi thường áp giá theo quyết định số 43 ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk cho thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15, diện tích 114,3m² có đơn giá là 17.000.835 đồng/m² và thửa đất số 51 tờ bản đồ số 15, diện tích 116,9m² giá 17.601.408 đồng/m² là chưa phù hợp với thực tế và chưa phù hợp với giá đất do UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành tại thời điểm bồi thường. Bởi lẽ, căn cứ bảng giá đất ban hành theo Quyết định số 43 ngày 22/12/2014, giá đất tại các thời điểm có đất bị thu hồi là 37 triệu/m² tính từ mép lộ giới đường Đ vào trong lớn hơn mét thứ 20 đến mét thứ 50 và bị che khuất bởi các thửa đất khác có giá 30,1 triệu đồng/m².

Thế nhưng, UBND thành phố B lại áp giá đối với 02 thửa đất là 17 triệu và 17,6 triệu đồng/m² là không thỏa đáng.

Thứ hai: Cụ tuôi và cụ H có 05 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất, những người này đều cư trú tại các nhà đất bị thu hồi, nhưng UBND thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chỉ bố trí 02 lô đất tái định cư giao đất có thu tiền là không bảo đảm quyền lợi của các hàng thừa kế còn lại.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc UBND thành phố:

- Hủy một phần “Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình mở rộng Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố B” ban hành kèm theo Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B đối với phần diện tích đất của ông. Buộc UBND thành phố B phải áp giá bồi thường phù hợp với quy định.

- Buộc UBND thành phố B bố trí tái định cư cho ông và các anh chị em đều thường trú tại nhà và đất bị thu hồi; xem xét lại giá đất giao tái định cư cho người có đất bị thu hồi sao cho phù hợp và công bằng.

Ngày 03/3/2021, ông Nguyễn Anh T có đơn khởi kiện bổ sung, theo đó yêu cầu: Yêu cầu UBND thành phố B chịu trách nhiệm đối với quyết định cưỡng chế trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra. Mức bồi thường thiệt hại:

Thiệt hại về tài sản và vật dụng: 510.000.000 đồng.

Thiệt hại về việc mua bán hàng ngày: 500.000 đồng/ngày

Thiệt hại về kinh doanh hành nghề sửa chữa: 1.000.000 đồng/ngày

Tiền thuê nhà ở sau khi cưỡng chế: 7.000.000 đồng/tháng.

- Xử lý hành vi vi phạm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố trong việc thực hiện thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai.

Tại văn bản ý kiến người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Ông Đoàn Ngọc T trình bày:

+ Về việc giá bồi thường đất: Ngày 11/12/2018, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất, thu tiền khi giao đất cho các hộ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 15 có hệ số điều chỉnh là 4,167 lần so với giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh (giá đất bồi thường là $4.224.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4,167 = 17.601.408 \text{ đồng/m}^2$); đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15 (thửa đất có một phần diện tích đất bị che khuất bởi thửa đất khác) có hệ số điều chỉnh là 4,167 lần so với giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh (giá đất bồi thường là $4.079.874.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4,167 = 17.000.835 \text{ đồng/m}^2$) là phù hợp với giá đất trên thị trường.

+ Về việc bố trí tái định cư cho những người thừa kế của bà Tôn Nữ Thị H và ông Nguyễn T.

Những người thừa kế của bà Tôn Nữ Thị H và ông Nguyễn T đủ điều kiện được giao 02 thửa đất tái định cư. Ngày 16/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8654/QĐ-UBND; Quyết định số 8676/QĐ-UBND về việc giao đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc T làm người đại diện các đồng thừa kế của bà Tôn Nữ Thị H và ông Nguyễn T là đúng theo quy định.

+ Giá đất giao đất tái định cư

Ngày 11/12/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất thu tiền khi giao đất cho các hộ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, đối với thửa đất số 22 thuộc khu tái định cư đường Đ, phường T, thành phố B có hệ số điều chỉnh là 2 lần so với giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh (giá đất là $14.300.000 \text{ đồng/m}^2 \times 2 = 28.600.000 \text{ đồng/m}^2$); thửa đất số A13 thuộc khu tái định cư thành phố B có hệ số điều chỉnh là 02 lần so với giá đất ở theo quy

định của UBND tỉnh Đắk Lắk (giá đất là $16.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 2 = 33.000.000 \text{ đồng/m}^2$) là phù hợp với giá đất trên thị trường.

Ngày 11/9/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 6370/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư và xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk. Theo đó, giá đất bồi thường giá đất giao đất tái định cư và việc bố trí đất tái định cư đối với những người thừa kế của bà Tôn Nữ Thị H và ông Nguyễn T được UBND thành phố B thực hiện đúng quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu UBND thành phố B chịu trách nhiệm đối với quyết định cưỡng chế trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra và xử lý hành vi vi phạm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố trong việc thực hiện thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai. UBND thành phố B không đồng ý, bởi lẽ, UBND thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Ngọc T; bà Nguyễn Thị Ngọc N: Ông Lê Văn P trình bày: Đồng ý với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Anh V trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất và đã bồi thường cho gia đình theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Quá trình tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Phan Ngọc Nhân trình quan điểm và ý kiến, cho rằng yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận. Buộc UBND thành phố B thực hiện việc hỗ trợ, bồi thường các khoản hỗ trợ mà lẽ ra UBND thành phố B thực hiện việc bồi thường khi thu hồi đất, nhằm đảm bảo đời sống và quyền lợi của người có đất bị thu hồi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến lập luận và giữ nguyên quan điểm của người bị kiện, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HCST ngày 27/9/2021 và tại Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án số 06/2021/QĐ-TA ngày 8/10/2021(BL-355) của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; khoản 2 Điều 158; **điểm a khoản 2 Điều 193**; Điều 194 và khoản 1 Điều 206; Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 71 Luật đất đai sửa đổi năm 2013;

Căn cứ theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất, thu tiền khi giao đất cho các hộ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 3 Điều 30 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Anh T, đề ngày 8/10/2021, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng người khởi kiện kháng cáo ba nội dung chính. (1) Về giá đất bồi thường: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng; (2) Về đất tái định cư, thấy rằng trong 2 lô đất bị thu hồi có 4 hộ gia đình sinh sống tuy nhiên khi thu hồi UBND mới bố trí 2 lô đất tái định cư là ảnh hưởng quyền lợi của đương sự; (3) Về hỗ trợ sản xuất và đời sống, thấy hộ gia đình có hoạt động sản xuất kinh doanh, nay thu hồi đất cần có hỗ trợ, sản xuất và đời sống. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ một phần quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B, buộc UBND thành phố B giải quyết lại về bố trí tái định cư và hỗ trợ sản xuất và đời sống cho ông Nguyễn Anh T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ và kết quả tranh luận; xem xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[2] Xét nội dung khởi kiện và nội dung yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, về tố tụng:

Do không đồng ý về giá bồi thường và việc bố trí tái định cư và văn bản trả lời của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (BL-11) nên ngày 21/10/2020, Toà án cấp sơ thẩm nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Anh T, đề ngày 15/10/2020, đơn khởi kiện yêu cầu Toà án hủy một phần Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của T trong thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 1 Điều 30; **khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính 2015.**

[3] Xét nội dung khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cấp phúc thẩm thấy rằng: Về giá đất bồi thường: Việc UBND TP B và Trung tâm phát triển quỹ đất đã áp dụng đối với giá đất tại hẻm đất cấp 1, loại 1, đường Đ đoạn từ N đến đường N, cách lộ giới đường Đ vào sâu 50m có giá 17.600.000 đồng và 17.000.000 đồng (Thửa đất có 01 phần diện tích đất bị che khuất bởi thửa đất khác) đối với đất bị thu hồi của hộ gia đình là phù hợp với Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất, thu tiền khi giao đất cho các hộ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk. Việc người khởi kiện yêu cầu phải bồi thường đất bị thu hồi là 37 triệu/m² tính từ mép lộ giới đường Đ vào trong lớn hơn mét thứ 20 đến mét thứ 50 và bị che khuất bởi các thửa đất khác có giá 30,1 triệu đồng/m² là không có căn cứ. Bởi vì Quyết định số 3347/2018/QĐ-UBND ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2018, nên khi ban hành Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 thì UBND căn cứ quy định của Quyết định 3347/QĐ-UBND là đúng quy định. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần “Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình mở rộng Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố B” ban hành kèm theo Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B đối với phần diện tích đất của ông Nguyễn Anh T không được Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận, là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu buộc UBND thành phố B bố trí tái định cư cho ông T và các anh chị em đều thường trú tại nhà và đất bị thu hồi; xem xét lại giá đất giao tái định cư cho người có đất bị thu hồi sao cho phù hợp và công bằng, và yêu cầu xem xét việc hỗ trợ sản xuất và đời sống, thấy rằng:

Khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: “Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ,

nhều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.”

Để bố trí tái định cư cho ông T và các anh chị em đều thường trú tại nhà và đất bị thu hồi thì phải đảm bảo đủ điều kiện ông T và các anh chị em của ông phải đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện với lý do “trong trường hợp này người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đủ điều kiện mà pháp luật quy định, nên không có căn cứ chấp nhận”. Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm người khởi kiện đã bổ sung chứng cứ, và tài liệu trong hồ sơ thể hiện: có 5 người con được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn T và cụ Tôn Nữ Thị H, đó là Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Thị Ngọc N, Nguyễn Anh V. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, có con là Nguyễn Thái Thịnh, sinh 2002, sổ hộ khẩu số 160036915 do Công an thành phố B cấp đổi ngày 29/7/2008; bà Nguyễn Thị Ngọc N và con là Nguyễn Quốc Hoàng, sổ hộ khẩu số 160036729 do Công an thành phố B cấp đổi ngày 29/7/2008 và Giấy khai sinh số 209 do UBND phường T cấp ngày 12/9/2002 cùng chung sống, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 30 H, tức số 16/6 Đ, ngoài nơi ở này, hộ bà N và hộ bà N hiện không có nơi ở nào khác. Tại bút lục số 20-21, thể hiện sổ hộ khẩu số 160416539, do Công an thành phố B cấp ngày 18/8/2015, sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Anh T, sinh 1969, vợ Nguyễn Thị Hồng, sinh 1972, các con là Nguyễn Anh Phát, sinh năm 1998, Nguyễn Anh Đức sinh năm 2000.

Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2019 của Công An phường T về việc xác minh nơi ở và địa chỉ đăng ký hộ khẩu của 16 hộ dân có hộ bà Nguyễn Thị Ngọc N và bà Nguyễn Thị Ngọc N có đăng ký hộ khẩu tại phường T hiện không ở, không sinh hoạt trên địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú (BL-98). Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, anh Nguyễn Anh T khai vì cuộc sống khó khăn nên họ phải đi làm ăn xa, làm công nhân lao động tại Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Ngọc N cung cấp địa chỉ tạm trú tại 69 N, tp B (BL-66), tuy nhiên đây là biên bản làm việc của Tòa án cấp sơ thẩm với bà N vào ngày 27/01/2021, khi không tổng đạt được văn bản của Tòa án theo địa chỉ 30 H, việc tạm trú của bà N tại 69 Nguyễn công Trứ sau thời điểm UBND có Quyết định thu hồi đối với thửa đất số 30 H. Như vậy, tại thời điểm UBND thu hồi các thửa đất của cụ T và cụ H thì trên thửa đất này có nhiều gia đình sinh sống như phân tích trên, do vậy các đối tượng này cần được xem xét để cấp đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp

luật được quy định tại Điều 79 Luật đất đai 2013 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP/2014 ngày 15/5/2014.

Về khoản hỗ trợ sản xuất và đời sống: Theo quy định tại Điều 83 Luật đất đai và Điều 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, thì hộ gia đình có đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân khi có đất ở bị thu hồi được nhà nước hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm nhưng tại Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B chưa xem xét giải quyết khoản hỗ trợ như quy định trên trong khi tại nhà đất 30 H, ông Nguyễn Anh T thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện trong “đơn xin xác nhận” ngày 24/3/2022 của ông Nguyễn Anh T, có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố 3 và một số người làm chứng, thể hiện gia đình ông T sinh sống bằng nghề buôn bán hàng ăn sáng kể từ năm 2016 cho đến nay và “đơn xin cung cấp, xác nhận giấy phép kinh doanh” của ông Du Hưng Thanh thường trú tại 16/10 H, địa chỉ kinh doanh 30 H (cũ) nay là 16/4 Đ, thành phố B, có xác nhận của Đội trưởng đội thuế T ngày 02/03/2022: “Hộ Du Hưng T, địa chỉ 30 H, MST: 6000175226, cấp ngày 10/10/1998; Giấy phép kinh doanh số 4/CK-23/4/1997, do UBND thành phố cấp, nay đã nghỉ kinh doanh”, (trên cơ sở ký xác nhận của Đội trưởng đội thuế phường T, có xác nhận của UBND phường T) (theo sổ hộ khẩu số 160321126, do Công an thành phố B cấp ngày 28/11/2012, ông Du Hưng Thanh là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc T). Như vậy, tại vị trí đất 30 H bị thu hồi trước đó có các hộ gia đình hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng khi thu hồi đất ở thì UBND chưa xem xét để hỗ trợ cho các đối tượng này như phân tích ở trên là chưa đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xem xét lại giá đất giao tái định cư cho người có đất bị thu hồi sao cho phù hợp và công bằng.

Như đã nhận định trên, thì việc UBND thành phố áp giá đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 15 có hệ số điều chỉnh là 4,167 lần so với giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh (giá đất bồi thường là $4.224.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4,167 = 17.601.408 \text{ đồng/m}^2$); đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 15 (thửa đất có một phần diện tích đất bị che khuất bởi thửa đất khác) có hệ số điều chỉnh là 4,167 lần so với giá đất ở theo quy định của UBND tỉnh (giá đất bồi thường là $4.079.874.000 \text{ đồng/m}^2 \times 4,167 = 17.000.835 \text{ đồng/m}^2$) là phù hợp với giá đất của Nhà nước quy định.

[5] Xét yêu cầu UBND thành phố B chịu trách nhiệm đối với quyết định cưỡng chế trái pháp luật và xử lý hành vi vi phạm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố trong việc thực hiện thi hành công vụ trong lĩnh vực đất đai, thì thấy:

Trong đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/01/2021 (nộp cho Tòa án ngày 03/3/2021) và trong quá trình làm việc đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Anh T trình bày: Từ khi nhận được thông báo thu hồi đất của UBND thành phố B ngày 05/12/2018 thì gia đình ông T đã chấp hành cùng phối hợp với cơ quan chức năng trong việc điều tra, khảo sát và kiểm đếm để trung tâm quỹ đất lập dự

thảo, tham khảo tính toán kinh phí chi phí bồi thường, đồng thời lập văn bản thỏa thuận, cử bà Nguyễn Thị Ngọc T là đồng thừa kế làm người đại diện nhận đất bồi thường, nhận đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Như vậy, việc UBND thành phố B thu hồi đất của gia đình ông T, thì ông T và những thành viên trong hộ đều đồng ý không có ý kiến phản đối.

Ông T cho rằng việc trung tâm quỹ đất thành phố đã vi phạm pháp luật do từ khi thực hiện việc giao đất bố trí tái định cư cho gia đình ông T, Trung tâm phát triển quỹ đất chỉ làm việc với bà Nguyễn Thị Ngọc T không làm việc với ông T và bà T (là 02 chủ hộ của 02 thửa đất bị thu hồi), ông T và bà T cũng không ủy quyền cho bà T tham gia làm việc với Trung tâm quỹ đất thành phố, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi ban hành Quyết định số 6361/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 và Quyết định số 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã tiến hành niêm yết tại trụ sở UBND phường T (BL 173-174); Mặt khác tại các BL 168-170, các biên bản làm việc này đều thể hiện hộ ông T có nhận các Thông báo số 79/TB-TTPTQĐ ngày 27/11/2019; Thông báo số 80/TB-TTPTQĐ ngày 09/12/2019; Thông báo số 02/TB-TTPTQĐ ngày 06/01/2020. Sau khi có Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 4981/QĐ-UBND, ngày 17/7/2020, đã tiến hành niêm yết tại UBND phường T, thành phố B theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T.

[6] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra. Ông Nguyễn Anh T yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính từ ngày 29/7/2020 đến ngày 29/7/2021, số tiền tổng cộng là 1.141.500.000 đồng.

Qua phân tích trên, thấy rằng UBND thành phố và trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện cưỡng chế theo đúng quy định của pháp luật và người khởi kiện cũng không khởi kiện đối với hành vi cưỡng chế này nên yêu cầu bồi thường của ông T là không có cơ sở để chấp nhận.

Với những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa phù hợp. Trong gia đoạn phúc thẩm, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, do vậy kháng cáo của người khởi kiện về phần yêu cầu giao đất tái định cư khi thu hồi đất và yêu cầu xem xét giải quyết vấn đề hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có cơ sở, được chấp nhận, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, huỷ một phần Quyết định 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND thành phố B, kèm theo “Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình mở rộng Trung tâm văn hoá tỉnh, thành phố B”, đối với phần giao đất tái định cư và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của người khởi kiện. Buộc UBND thành phố B xem xét giải quyết lại việc giao đất tái định cư và xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Anh T là người thừa kế của cụ Nguyễn T và Tôn Nữ Thị H, theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí sơ thẩm theo hướng UBND thành phố B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Anh T và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; khoản 2 Điều 158; **điểm b khoản 2 Điều 193** Luật tổ tụng hành chính; Điều 69; Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 6; Điều 21 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 3347/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất, thu tiền khi giao đất cho các hộ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh T.

Hủy một phần Quyết định 6370/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B, “Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Mở rộng Trung tâm văn hoá tỉnh Đắk Lắk (đợt 1)”, kèm theo “Bảng tính kinh phí chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, công trình Mở rộng Trung tâm văn hoá tỉnh Đắk Lắk”, đối với phần giao đất tái định cư và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Anh T. Buộc UBND thành phố B xem xét giải quyết lại việc giao đất tái định cư và thực hiện việc xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Nguyễn Anh T là người thừa kế của cụ Nguyễn T và Tôn Nữ Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Anh T không phải chịu 300.000 đồng nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009558 ngày 21/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do Nguyễn Thị Ngọc N nộp).

Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Anh T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0017417 ngày 03/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT III);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường